



Prudent & True

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014  
đã được kiểm toán*

---

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT**

B17 Lô 19, Khu Đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội  
Tel: 84 3640 3642 / Fax: 84 3640 3643 / Web: [www.pnt.com.vn](http://www.pnt.com.vn)

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 31



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại - được thành lập theo quyết định số 1301/QĐ-UB ngày 30/03/1993 của UBND Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước số 0106000924, thay đổi lần thứ 12 ngày 18/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco được chuyển đổi từ mô hình hoạt động từ Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại theo quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 24/5/2010 của UBND Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01.00234322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp ngày 02/8/2010 và thay đổi lần thứ nhất ngày 17/01/2014.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2014, Công ty đang trong quá trình chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch tiến độ cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco năm 2014 - 2015.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Buôn bán vải, hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da;
- Buôn bán nông sản, lâm sản, nguyên liệu;
- Buôn bán gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá nội;
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Buôn bán giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Buôn bán thiết bị nghe nhìn, thiết bị linh kiện điện tử và viễn thông;
- Buôn bán hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng y tế;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác sử dụng cho: Sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải, máy công cụ điều khiển bằng vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác;
- Buôn bán phân bón và các sản phẩm nông hóa;
- Buôn bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Buôn bán tổng hợp;
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Đại lý bảo hiểm;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm ( không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch;
- Khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản;
- Xây dựng nhà ở, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí (trừ loại Nhà nước cấm);
- Nhận ủy thác XNK hàng hóa;
- XNK các mặt hàng do Công ty kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4 NB, Tòa nhà 14 - 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 8.000.000.000 đồng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất là 12.000.000.000 đồng.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 13 tháng 05 năm 2015, đoàn kiểm tra Cục thuế Hà Nội đã ra biên bản kiểm tra thuế đối với Công ty. Theo biên bản này một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính năm 2014 bị thay đổi cụ thể: số thuế GTGT Công ty được khấu trừ tăng 100.145.332 đồng; Thuế TNCN phải nộp tăng: 70.544.527 đồng; Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 100.145.332 đồng; Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 100.145.332 đồng; Thuế TNDN phải nộp tăng 22.031.973 đồng và lợi nhuận kế toán sau thuế tăng 78.111.359 đồng.

Do lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty tăng 78.111.359 đồng sau khi điều chỉnh giảm tiền phạt chậm nộp thuế 4.946.178 đồng, số lợi nhuận còn lại Công ty phân phối theo Nghị định 71/2013/NĐ-CP như sau: Bỏ sung quỹ đầu tư phát triển 21.950.155 đồng; số còn lại nộp vào ngân sách.

### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Chinh	Tổng giám đốc
Ông Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Đại	Phó Tổng giám đốc
Bà Phan Anh Thư	Kế toán trưởng
Bà Triệu Thị Chúc	Kiểm soát viên

### **KIỂM TOÁN VIỆN**

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán độc lập cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2015

TM. Ban Giám đốc  
Tổng giám đốc



Vũ Chinh

Số: 73/2015/BCTC-PNT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco, được lập ngày 20 tháng 05 năm 2015, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Ngày 16 tháng 01 năm 2015, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco đã lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Kiểm toán viên đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 01/2015/BCTC-PNT ngày 28 tháng 01 năm 2015 cho Báo cáo tài chính trên. Báo cáo kiểm toán trước chưa có những điều chỉnh liên quan đến các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được nêu tại Báo cáo Ban giám đốc (trang 2 đính kèm Báo cáo kiểm toán này).

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT  
Giám đốc



**Khương Tất Thành**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 410-2013-136-1

Kiểm toán viên

**Vũ Thị Anh Hoài**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1404-2013-136-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>148.798.188.461</b>	<b>237.145.008.393</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>710.137.156</b>	<b>9.250.962.611</b>
1. Tiền	111	01	710.137.156	9.250.962.611
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>02</b>	<b>3.027.844.500</b>	<b>3.144.301.716</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.080.797.750	3.171.809.566
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(52.953.250)	(27.507.850)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>115.657.693.598</b>	<b>170.718.468.873</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		66.728.870.979	93.474.648.299
2. Trả trước cho người bán	132		48.858.278.092	77.857.411.718
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		70.544.527	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			(613.591.144)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.445.818.463</b>	<b>42.931.346.960</b>
1. Hàng tồn kho	141	03	22.445.818.463	43.023.961.336
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(92.614.376)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.956.694.744</b>	<b>11.099.928.233</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		151.740.045	149.861.460
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.650.940.335	2.301.313.568
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	04	2.258.108.364	6.610.845
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		895.906.000	8.642.142.360



**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.750.000.000</b>	<b>2.089.130.533</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	05		
- Nguyên giá	222		714.790.043	1.102.339.643
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(714.790.043)	(1.102.339.643)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>06</b>	<b>1.220.000.000</b>	<b>1.559.130.533</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.220.000.000	1.220.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			(260.869.467)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>530.000.000</b>	<b>530.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		530.000.000	530.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>150.548.188.461</b>	<b>239.234.138.926</b>

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>139.751.668.617</b>	<b>228.979.854.354</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139.751.668.617</b>	<b>228.979.854.354</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	07	130.959.607.599	194.012.347.176
2. Phải trả người bán	312		136.120.320	1.464.238.742
3. Người mua trả tiền trước	313			22.495.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	08	1.314.444.363	706.103.690
5. Phải trả người lao động	315		480.000.000	694.598.283
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	09	5.248.348.165	6.603.812.003
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.613.148.170	3.003.754.460
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ khoa học công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.796.519.844</b>	<b>10.254.284.572</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>10</b>	<b>10.796.519.844</b>	<b>10.254.284.572</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.796.519.844	10.254.284.572
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>150.548.188.461</b>	<b>239.234.138.926</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		613.591.144	
5. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			4.287,80	37.224,25
- EUR			252,21	263,13
6. Dự toán chi hoạt động	006			

*Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )*

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Anh Thu

Vũ Chinh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	822.278.212.846	1.090.570.719.653
03	2. Các khoản giảm trừ			
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	822.278.212.846	1.090.570.719.653
11	4. Giá vốn hàng bán	13	792.154.781.728	1.055.070.823.656
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.123.431.118	35.499.895.997
21	6. Doanh thu tài chính	14	5.056.999.815	4.895.814.949
22	7. Chi phí tài chính	15	14.585.737.657	16.812.487.708
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		12.137.719.483	15.098.415.166
24	8. Chi phí bán hàng		12.218.641.086	11.589.105.356
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.541.444.473	10.554.968.125
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		834.607.717	1.439.149.757
31	11. Thu nhập khác		1.627.226.330	1.954.157.367
32	12. Chi phí khác		223.698.643	20.213.375
40	13. Lợi nhuận khác		1.403.527.687	1.933.943.992
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.238.135.404	3.373.093.749
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16	425.738.321	799.646.448
52	16. Thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.812.397.083	2.573.447.301

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Phan Anh Thư*



*Vũ Chinh*

Phan Anh Thư

Vũ Chinh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.238.135.404	3.373.093.749
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02			137.450.000
- Các khoản dự phòng	03		(328.038.443)	141.076.014
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			362.118.544
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.887.157.428)	(3.777.769.326)
- Chi phí lãi vay	06		12.137.719.483	15.098.415.166
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		9.160.659.016	15.334.384.147
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		59.205.887.349	(59.663.250.557)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		20.578.142.873	1.224.533.262
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(25.457.172.999)	17.552.015.663
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1.878.585)	6.751.230
- Tiền lãi vay đã trả	13		(12.137.719.483)	(15.098.415.166)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(560.810.135)	(802.400.307)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.628.939.623)	(480.290.756)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>49.158.168.413</b>	<b>(41.926.672.484)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		37.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(756.967.700)	(3.528.895.200)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.447.979.516	3.583.855.698
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.954.047.134	3.777.769.326
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.682.058.950</b>	<b>3.832.729.824</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		503.077.268.368	628.290.682.951
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(566.130.007.945)	(586.350.111.415)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(328.313.241)	(190.207.123)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(63.381.052.818)</b>	<b>41.750.364.413</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(8.540.825.455)</b>	<b>3.656.421.753</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.250.962.611	5.598.206.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(3.665.307)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>710.137.156</b>	<b>9.250.962.611</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

*Phan Anh Thư*



*Vũ Chinh*

Phan Anh Thư

Vũ Chinh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại - được thành lập theo quyết định số 1301/QĐ-UB ngày 30/03/1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước số 0106000924 thay đổi lần thứ 12 ngày 18/09/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco được chuyển đổi từ mô hình hoạt động từ Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại theo quyết định số: 2297/QĐ - UBND ngày 24/5/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01.00234322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà nội cấp ngày 02/8/2010 và thay đổi lần thứ nhất ngày 17/01/2014.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4 NB, Tòa nhà 14 - 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ đối ngoại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán vải, hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da;
- Buôn bán nông sản, lâm sản, nguyên liệu;
- Buôn bán gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá nội;
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Buôn bán giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Buôn bán thiết bị nghe nhìn, thiết bị linh kiện điện tử và viễn thông;
- Buôn bán hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng y tế;
- Buôn bán may móc, thiết bị và phụ tùng máy khác sử dụng cho: Sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải, máy công cụ điều khiển bằng vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác;
- Buôn bán phân bón và các sản phẩm nông hóa;
- Buôn bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Buôn bán tổng hợp;
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Đại lý bảo hiểm;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm ( không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch;
- Khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản;
- Xây dựng nhà ở, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí (trừ loại Nhà nước cấm);
- Nhận ủy thác XNK hàng hóa;
- XNK các mặt hàng do Công ty kinh doanh.

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay mục đích khác.

##### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Được ghi nhận theo hướng dẫn của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính cụ thể: các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Đơn vị chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng giao dịch vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tuy nhiên, theo Thông tư này các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ và các khoản chi phí trả trước bằng ngoại tệ không được coi là các khoản mục có gốc ngoại tệ do đó cuối kỳ không phải đánh giá chênh lệch tỷ giá. Nhưng Công ty vẫn đánh giá những khoản này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam số 10 ("CMKT 10") - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |        |     |
|-----------------------------|--------|-----|
| ▪ Phương tiện vận tải       | 6 - 10 | Năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 8  | Năm |

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí lương

Quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách xác định theo Thông tư 19/2013/TT- BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013, còn quỹ tiền lương của người lao động được xác định theo Thông tư 18/2013/TT- BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động Thương binh xã hội.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận

Chính sách phân phối lợi nhuận được thực hiện theo :

- Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71;
- Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 về hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;
- Thông tư 187/2013/TT-BTC ngày 01/12/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014 cụ thể:

Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

- Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có);
- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;
- Sau đó được phân phối theo tỷ lệ giữa vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại công ty và vốn công ty tự huy động bình quân trong năm.

Lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động được phân phối như sau:

- Trích tối thiểu 30% vào quỹ đầu tư phát triển của công ty.
- Quỹ thưởng ban điều hành được trích theo kết quả phân loại doanh nghiệp (không quá 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp);
- Số lợi nhuận còn lại được phân phối vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo kết quả phân loại doanh nghiệp (không quá 3 tháng lương thực hiện).

Số lợi nhuận còn lại sau khi đã trích đủ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định nộp lại ngân sách Nhà nước

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để bù trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ.



**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

01. Tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	46.585.627	189.485.074
- Tiền gửi ngân hàng	663.551.529	9.061.477.537
- Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b><u>710.137.156</u></b>	<b><u>9.250.962.611</u></b>
<b>02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (trang 21 và 22)</b>		
<b>03. Hàng tồn kho</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		
- Thành phẩm		
- Hàng hoá	22.445.818.463	43.023.961.336
- Hàng gửi bán		
- Hàng hoá kho bảo thuế		
- Hàng hoá bất động sản		
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>22.445.818.463</u></b>	<b><u>43.023.961.336</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(92.614.376)
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b><u>22.445.818.463</u></b>	<b><u>42.931.346.960</u></b>
<b>04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.258.108.364	6.610.845
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		
- Thuế khác		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>2.258.108.364</u></b>	<b><u>6.610.845</u></b>

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số lượng (Cổ phiếu)	Số cuối năm (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Số đầu năm (VND)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (TMS) (i)	151.838	2.698.745.000	151.838	2.698.745.000
- Cổ phiếu của Công ty Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)			21	145.216
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Vinamilk (VNM)			1.500	220.048.750
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (DRC)			1.100	44.210.250
- Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS)			2.000	140.851.250
- Công ty Cổ phần và Xây dựng Nhân lực (CMS)			1.500	17.243.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (CSM)			1.150	40.701.500
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (SD5)			600	9.864.600
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (PVG)	1.000	14.937.250		
- Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng (ICG)	1.000	11.127.750		
- Công ty Cổ phần Vinaconex 25 (VCC)	1.000	17.844.500		
- Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (NHS)	2.000	24.260.500		
- Công ty CP Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (CMS)	1.000	15.839.500		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITA)	4.000	39.899.500		
- Tập đoàn Vingroup (VIC)	2.000	98.044.500		
- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (DPM)	3.000	122.204.750		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	3.000	37.894.500		
<b>Cộng</b>		<b>3.080.797.750</b>		<b>3.171.809.566</b>

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<b>Trích lập dự phòng các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>	<b>(52.953.250)</b>	<b>(27.507.850)</b>
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Vinamilk (VNM)		(17.548.750)
- Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS)		(7.851.250)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (DRC)		(1.310.250)
- Công ty Cổ phần và Xây dựng Nhân lực (CMS)		(293.000)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (CSM)		(504.600)
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (PVG)	(5.537.250)	
- Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng (ICG)	(2.927.750)	
- Công ty CP Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (CMS)	(4.139.500)	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITA)	(7.899.500)	
- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (DPM)	(29.804.750)	
- Tập đoàn Vingroup (VIC)	(2.644.500)	

(i): Mã chứng khoán TMS tại thời điểm 31/12/2014 đang bị phong tỏa với lý do thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng.

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	978.458.691	123.880.952	<b>1.102.339.643</b>
- Mua trong kỳ			
- Đầu tư XD/CB hoàn thành			
- Tăng khác			
- Chuyển sang BĐS đầu tư			
- Thanh lý, nhượng bán	(387.549.600)		<b>(387.549.600)</b>
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ	590.909.091	123.880.952	<b>714.790.043</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	(978.458.691)	(123.880.952)	<b>(1.102.339.643)</b>
- Số khấu hao trong kỳ			
- Tăng khác			
- Chuyển sang BĐS đầu tư			
- Thanh lý, nhượng bán	387.549.600		<b>387.549.600</b>
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ	(590.909.091)	(123.880.952)	<b>(714.790.043)</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu kỳ			
2. Tại ngày cuối kỳ			
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:			<b>714.790.043</b>



**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**06. Đầu tư dài hạn khác**

	<b>Số lượng (Cổ phiếu)</b>	<b>Số cuối năm (VND)</b>	<b>Số lượng (Cổ phiếu)</b>	<b>Số cuối năm (VND)</b>
- Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết - Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị				600.000.000
- Đầu tư dài hạn khác - Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Lilama	122.000	1.220.000.000	122.000	1.220.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.220.000.000</b>		<b>1.820.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn - Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị				(260.869.467)
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính</b>		<b>1.220.000.000</b>		<b>1.559.130.533</b>

Theo Báo cáo tăng giảm vốn ngày 26/8/2014 của Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị, số vốn mà Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco được lấy về là 199.628.190 đồng. Trong kỳ Công ty đã tất toán khoản đầu tư này.

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**07. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn		
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (VND)	24.993.769.416	42.167.898.650
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Long Biên (USD)		
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Long Biên (VND)	49.613.744.695	35.341.275.860
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch (VND)	23.446.327.488	85.177.172.745
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng (VND)	22.205.766.000	16.325.999.921
+ Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Hà Thành	10.000.000.000	15.000.000.000
+ Vay đối tượng khác	700.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>130.959.607.599</u></b>	<b><u>194.012.347.176</u></b>

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Đồng tiền vay	Thời hạn vay (tháng)	Hình thức bảo đảm
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	VND	04	Tín chấp
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Long Biên	VND	04	Tín chấp
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch	VND	04	Tín chấp
4	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng (VND)	VND	04	Hàng hóa/quyền đòi nợ và Cổ phiếu TMS
5	Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Hà Thành	VND	03	Tín chấp

**08. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT		
- Thuế TTĐB		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.556.302	243.628.116
- Thuế thu nhập cá nhân	160.739.991	115.896.563
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.045.148.070	346.579.011
<b>Cộng</b>	<b><u>1.314.444.363</u></b>	<b><u>706.103.690</u></b>

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Bảo hiểm xã hội VPĐD	141.429.259	90.116.287
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Phải trả Ban quản lý dự án quận Ba Đình	855.921.812	855.921.812
- Phải trả tiền lương và các khoản phải nộp khác của lao động VPĐD	4.250.997.094	4.507.350.902
- Các khoản phạt và chậm nộp theo Biên bản thanh tra thuế		174.772.562
- Phải trả, phải nộp khác		975.650.440
<b>Cộng</b>	<b><u>5.248.348.165</u></b>	<b><u>6.603.812.003</u></b>

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>10.254.284.572</b>					<b>10.254.284.572</b>
Tăng vốn trong kỳ						
Lãi trong kỳ					1.812.397.083	1.812.397.083
Tăng khác	542.235.272					542.235.272
Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế			542.235.272			542.235.272
Phân phối lợi nhuận sau thuế vào các quỹ						
Giảm vốn trong kỳ						
Lỗ trong kỳ						
Chia cổ tức						
Trích lập các quỹ (*)					(1.807.450.905)	(1.807.450.905)
Giảm khác(**)			(542.235.272)		(4.946.178)	(547.181.450)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.796.519.844</b>					<b>10.796.519.844</b>

(\*): Trích lập vào các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển	1.807.450.905
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	542.235.272
- Quỹ thưởng ban điều hành	238.333.333
- Nộp ngân sách	1.026.882.300

(\*\*): Đây là khoản phạt thuế theo Quyết định số 29429/QĐ-CT-KTT3 ngày 19/5/2015 của Cục Thuế thành phố Hà Nội ngày 19 tháng 5 năm 2015.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**11. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	820.116.065.340	1.088.408.130.606
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.162.147.506	2.162.589.047
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
<b>Cộng</b>	<b><u>822.278.212.846</u></b>	<b><u>1.090.570.719.653</u></b>

**12. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	820.116.065.340	1.088.408.130.606
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.162.147.506	2.162.589.047
- Doanh thu hợp đồng xây lắp		
<b>Cộng</b>	<b><u>822.278.212.846</u></b>	<b><u>1.090.570.719.653</u></b>

**13. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng hóa đã bán	792.154.781.728	1.055.070.823.656
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Chi phí kinh doanh bất động sản		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b><u>792.154.781.728</u></b>	<b><u>1.055.070.823.656</u></b>

**14. Doanh thu tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi cổ tức, lợi nhuận được chia	4.954.047.134	3.587.267.030
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	102.952.681	1.097.761.545
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		6.058.628
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		204.727.746
<b>Cộng</b>	<b><u>5.056.999.815</u></b>	<b><u>4.895.814.949</u></b>

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**15. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	12.137.719.483	15.098.415.166
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		155.301.464
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.381.128.468	1.331.669.920
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		368.177.172
- Dự phòng đầu tư tài chính	25.445.400	(141.076.014)
- Chi phí tài chính khác	41.444.306	
<b>Cộng</b>	<b><u>14.585.737.657</u></b>	<b><u>16.812.487.708</u></b>

**16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	425.738.321	799.646.448
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>425.738.321</u></b>	<b><u>799.646.448</u></b>

**17. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	792.154.781.728	1.055.070.823.656
- Chi phí nhân công (bao gồm: tiền lương, tiền công, phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	4.540.301.676	6.059.433.240
- Chi phí khấu hao TSCĐ		137.450.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.636.363.309	4.464.059.846
- Chi phí bằng tiền khác	10.583.420.574	11.483.130.395
<b>Cộng</b>	<b><u>811.914.867.287</u></b>	<b><u>1.077.214.897.137</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin các bên liên quan

#### a. Tổng thu nhập của Ban điều hành công ty trong năm 2014 là:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Thu nhập</u>
Ông Vũ Chính	Tổng giám đốc	503.889.134
Ông Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	362.600.150
Ông Phạm Văn Đại	Phó Tổng giám đốc	371.028.691
Bà Phan Anh Thư	Kế toán trưởng	354.117.455
Bà Triệu Thị Chúc	Kiểm soát viên	359.856.165
		<b>1.951.491.595</b>

#### b. Các giao dịch lớn phát sinh trong kỳ

<u>Đối tượng</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số phát sinh</u>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	Mua hàng	20.847.743.000
- Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Mua hàng	242.802.204.100
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tổng hợp Hòa Phát	Mua hàng	30.721.892.500
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nhất Thành	Mua hàng	500.685.031.860

#### c. Số dư với các bên có giao dịch lớn tại 31/12/2014

<u>Đối tượng</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Phải thu/(Phải trả)</u>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nhất Thành	Phải thu tiền bán hàng	60.637.611.519
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tổng hợp Hòa Phát	Phải thu tiền bán hàng	1.424.574.550

### 2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

#### Nguyên nhân phân loại lại:

- Căn cứ quyết định số 54420/QĐ-CT-TTr3 ngày 23/10/2014 "V/v xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế", Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco phải nộp thêm thuế TNDN của năm 2011, 2012 và 2013: 243.628.115 đồng; Thuế TNCN của năm 2009, 2011, 2012, 2013: 107.920.649 đồng; Tiền phạt và tiền chậm nộp: 174.772.562 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Căn cứ vào công văn số 314/UBND-KT ngày 16/01/2015 "V/v phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi Quỹ thưởng Viên chức quản lý của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco" của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Kết quả phân loại lại

	Mã số	Tại ngày 31/12/2013 phân loại lại	Tại ngày 31/12/2013 chưa phân loại lại
<b>Tại Bảng cân đối kế toán</b>			
- Người mua trả tiền trước	312	22.495.000.000	22.799.094.888
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	706.103.690	112.890.536
- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	6.603.812.003	6.429.039.441
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	3.003.754.460	3.953.527.268
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	10.254.284.572	8.101.006.002
- Quỹ đầu tư phát triển	417		1.294.969.668
- Quỹ dự phòng tài chính	418		402.979.872

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phan Anh Thu

Vũ Chinh

